

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính đối với

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

Thi hành Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, căn cứ quy mô và tính chất hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về chế độ tài chính đối với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương như sau:

CHƯƠNG I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1 Đối tượng áp dụng Thông tư này là Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2 Hoạt động tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan.

3 Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện công khai tài chính với các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ và các thành viên góp vốn vào Quỹ.

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và cam kết của mình theo quy định của Pháp luật.

4 Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước và Đại hội thành viên về việc thực hiện chế độ tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I/ Quản lý và sử dụng vốn, tài sản.

1 Quản lý vốn.

1.1 Vốn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương bao gồm:

a) Vốn điều lệ: Là số vốn ghi trong Điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, được hình thành từ: Vốn góp của Nhà nước.

Vốn góp của các Quỹ tín dụng nhân dân thành viên trong hệ thống.

Vốn góp của các tổ chức kinh tế, cá nhân khác.

b) Vốn huy động.

c) Vốn vay của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng khác.

d) Vốn uỷ thác của các pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước.

đ) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

e) Lợi nhuận được để lại chưa phân phối.

g) Các loại vốn khác.

1.2 Trong quá trình hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải duy trì vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định do Chính phủ quy định đối với Quỹ.

1.3 Vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2 Sử dụng vốn: Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được dùng vốn hoạt động của mình để:

Đầu tư mua sắm tài sản cố định của mình theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn tự có. Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật.

Góp vốn, mua cổ phần.

Tham gia điều hoà vốn cho toàn hệ thống.

Sử dụng cho mục tiêu khác theo quy định của pháp luật.

3 Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có trách nhiệm theo dõi toàn bộ tài sản và vốn hiện có, thực hiện hạch toán theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán, thống kê hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản, các khoản cho vay, nợ phải thu trong quá trình kinh doanh, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản.

4 Định kỳ và khi kết thúc năm tài chính Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải tiến hành kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ tài sản và vốn hiện có. Xác định chính xác tài sản thừa, thiếu, tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ khó đòi, xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý. Các trường hợp làm mất mát, hư hỏng tài sản phải xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được kiểm kê, đánh giá lại tài sản và hạch toán tăng, giảm vốn khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Dùng tài sản để liên doanh, góp vốn cổ phần hoặc thu hồi tài sản khi liên doanh chấm dứt hoạt động.

5 Bảo đảm an toàn và phát triển vốn: Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vốn theo quy định sau:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Duy trì đầy đủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

d) Tham gia tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc tổ chức bảo đảm an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

đ) Được hạch toán vào chi phí các khoản dự phòng sau:

đ.1 Đối với dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương thực hiện việc trích lập và sử dụng theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

đ.2 Đối với dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đối tượng lập dự phòng: Là các chứng khoán; hàng tồn kho bao gồm vật tư, ấn chỉ, vàng bạc đá quý là đồ trang sức mỹ nghệ tồn kho do Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương đang nắm giữ (nếu có).

Nguyên tắc lập dự phòng: Việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán và giảm giá hàng tồn kho được thực hiện khi giá cả trên thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán tại sổ sách kế toán.

Điều kiện lập dự phòng: Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán và giảm giá hàng tồn kho không làm kết quả kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương bị lỗ (sau khi đã hoàn nhập dự phòng trích năm trước).

Phương pháp trích lập dự phòng: Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng tồn kho thực tế và giá chứng khoán trên thị trường để xác định mức dự phòng theo công thức sau:

Mức dự phòng chứng khoán, hàng tồn kho	=	Lượng hàng tồn kho hoặc chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm 31/12	X	Giá hàng tồn kho, chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá bán thực tế trên thị trường thời điểm 31/12
--	---	---	---	---	---	---

Giá thực tế trên thị trường thời điểm 31/12 được hiểu là:

Đối với hàng tồn kho: Là giá do Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương quy định dựa trên giá bán thực tế của vật tư, hàng hoá cùng loại trên thị trường hoặc dựa trên mức giá do Nhà nước quy định (đối

với vật tư, hàng hoá Nhà nước quy định giá).

Đối với chứng khoán: Là giá bán niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán đối với các loại chứng khoán có giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với chứng khoán không niêm yết, Tổng giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương quy định dựa trên giá bán thực tế của chứng khoán cùng loại trên thị trường. Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng tồn kho, chứng khoán bị giảm giá và được tổng hợp vào bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng giảm giá chứng khoán làm căn cứ hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.

Thời điểm trích lập dự phòng: Việc trích lập khoản dự phòng cho từng loại hàng tồn kho và chứng khoán bị giảm giá được thực hiện vào thời điểm khoá sổ kế toán (31/12 năm dương lịch) để lập báo cáo tài chính năm.

Xử lý các khoản dự phòng: Mục đích của việc lập các khoản dự phòng là để bù đắp các khoản tổn thất do giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư. Các khoản tổn thất về giảm giá hàng tồn kho và giảm giá chứng khoán được hạch toán vào kết quả kinh doanh, do vậy Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải hoàn nhập tất cả các khoản dự phòng nói trên vào thu nhập, cụ thể: Cuối mỗi năm, trước khi khoá sổ kế toán lập báo cáo quyết toán tài chính Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng đã trích lập cuối năm trước vào thu nhập trong năm để xác định kết quả kinh doanh, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng mới cho năm sau theo các quy định hiện hành.

6 Mọi tổn thất tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo nguyên tắc sau:

Nếu tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì đối tượng gây ra tổn thất phải bồi thường.

Tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Sử dụng các khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định tại điểm 5 mục I chương II Thông tư này.

Giá trị tổn thất sau khi đã thu hồi và bù đắp bằng các nguồn trên, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

7 Cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán, thanh lý tài sản.

a) Cho thuê, thế chấp, cầm cố.

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của mình để nâng cao hiệu suất sử dụng, tăng thu nhập nhưng phải tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.

b) Nhượng bán, thanh lý tài sản.

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương được quyền nhượng bán, thanh lý các tài sản không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật, tài sản kém phẩm chất hoặc tài sản bị hư hỏng không có khả năng phục hồi để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương phải lập hồ sơ đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định giá trị tài sản.

Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản với giá trị còn lại và chi phí nhượng bán được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương.

c) Khi Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương cho thuê, thế chấp, cầm cố, nhượng bán, thanh lý những tài sản thuộc công nghệ liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của cả hệ thống thì phải được Ngân hàng Nhà nước đồng ý bằng văn bản.

8 Đối với những tài sản Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với khách hàng.

II/ Quản lý doanh thu, chi phí.

1 Quản lý doanh thu.

1.1 Doanh thu của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương bao gồm các khoản phải thu quy định tại Điều 16 Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ, bao gồm:

a) Thu từ hoạt động nghiệp vụ: Thu lãi cho vay, tiền gửi, dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, nghiệp vụ chiết khấu, bảo lãnh và các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động nghiệp vụ ngân hàng.

b) Thu từ hoạt động khác: Thu lãi góp vốn, mua cổ phần; tham gia thị trường tiền tệ; kinh doanh vàng bạc, ngoại tệ; nghiệp vụ uỷ thác đại lý; dịch vụ tư vấn; nghiệp vụ mua bán nợ giữa các Tổ chức tín dụng; cho thuê tài sản và thu dịch vụ khác.

c) Thu hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích trong chi phí; thu các khoản vốn đã được xử lý bằng dự phòng rủi ro; thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; thu về chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật.

d) Thu khác

1.2 Nguyên tắc xác định doanh thu.

a) Doanh thu từ hoạt động cho vay, thu lãi tiền gửi là số lãi phải thu trong kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương hạch toán số lãi phải thu đối với các khoản nợ trong hạn vào thu nhập. Đối với số lãi phải thu của các khoản nợ quá hạn không phải hạch toán thu nhập, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo dõi ngoại bảng để dồn đống thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nghiệp vụ.